

**Van bi**  
**VZBA-3/8"-WW-63-T-22-F0304-V4V4T**  
Số bộ phận: 1686662

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                       | Giá trị                                                                                                                                          |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng              | Van bi 2 chiều                                                                                                                                   |
| Kiểu vận hành                  | cơ khí                                                                                                                                           |
| Nguyên lý bít                  | mềm                                                                                                                                              |
| Vị trí lắp đặt                 | bất kì                                                                                                                                           |
| Kiểu gắn                       | Lắp đặt đường dây                                                                                                                                |
| Cổng nối van                   | Cuối mối hàn/cuối mối hàn                                                                                                                        |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch    | Hướng khe = hướng lưu lượng                                                                                                                      |
| Mẫu khoan mặt bích             | F03<br>F04                                                                                                                                       |
| Ø trong                        | 12 mm                                                                                                                                            |
| Chiều rộng danh nghĩa DN       | 10                                                                                                                                               |
| Chức năng van                  | 2/2                                                                                                                                              |
| Nút ghi đè                     | không                                                                                                                                            |
| Hướng dòng chảy                | có thể đảo ngược                                                                                                                                 |
| Áp suất danh nghĩa phần ứng PN | 63                                                                                                                                               |
| Mô men xoắn kích hoạt          | 6 N m                                                                                                                                            |
| Dựa trên tiêu chuẩn            | DIN 3202-S13<br>ISO 5211                                                                                                                         |
| Môi chất                       | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:-:-]<br>Khí trơ<br>Nước - không phải hơi nước<br>chất lỏng trung tính<br>phương tiện lưu lượng khác theo yêu cầu |
| Nhiệt độ trung bình            | -10 °C...200 °C                                                                                                                                  |
| Lưu lượng Kv                   | 10 m³/h                                                                                                                                          |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                    |
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                               |
| Vật liệu vỏ                    | thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                        |
| Số vật liệu vỏ                 | 1.4408                                                                                                                                           |

| Đặc tính             | Giá trị                                                            |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Vật liệu của phốt    | PTFE<br>PTFE gia cố                                                |
| Vật liệu khớp cầu    | thép hợp kim không gỉ                                              |
| Số vật liệu cầu      | 1.4408                                                             |
| Vật liệu trục        | thép không gỉ hợp kim cao                                          |
| Số vật liệu trục     | 1.4401                                                             |
| trọng lượng sản phẩm | 650 g                                                              |
| Chống cháy nổ        | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                                           |